

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày 02-02-2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú và bà Đồng Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2021/TLST- HS ngày 15 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 1, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Trần Thị S; có vợ Vĩ Thị O và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; tiền sự: Không

Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HS-ST ngày 31-08-2018 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt Q 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HS-ST ngày 01-09-2011, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt Q 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29-10-2020 đến ngày 07-11-2020 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ *Bị hại:* Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thu T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Ông Trần Đức Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà 491, đường L, phường M, thành phố N; có mặt.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Đội 2, xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1983; địa chỉ: Khóm 3, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

+ *Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1975; vắng mặt.

- Anh Trần Mạnh H1, sinh năm 1990; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1985; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q là đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 07 giờ ngày 06-10-2020, Nguyễn Văn Q đi xe bus từ nhà ở huyện K, tỉnh Ninh Bình lên thăm vợ là chị Vì Thị O, sinh năm 1988 đang thuê trọ tại phố T, phường S, thành phố N. Khi đến ngã tư Big C, xã P, thành phố N, Q xuống xe bus thì thấy điện thoại hết pin nên Q đi bộ tìm nhà dân mượn sạc pin điện thoại để sạc. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Q đi đến nhà chị Nguyễn Thu T1, sinh năm 1987 tại thôn H, xã P, thành phố N thấy cửa nhà mở, chị T1 đang ở trong nhà, Q đến hỏi mượn sạc pin điện thoại của chị T1, chị T1 đồng ý và lấy sạc đưa cho Q, Q ngồi ở trước cửa ra vào giáp lán xe nhà chị T1 để sạc pin. Trong khi chờ sạc pin, Q quan sát xung quanh thấy có 03 chiếc xe mô tô dựng cạnh nhau, đầu xe quay vào trong nhà, đuôi xe hướng ra đường và thấy 01 chùm chìa khóa xe máy để ở trên mặt tủ kính kê bên tay trái của phòng khách nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chìa khóa xe mô tô và xe mô tô. Thấy chị T1 ở trong nhà không để ý bên ngoài nên Q rút sạc điện thoại của mình bỏ vào túi quần rồi nhanh chóng tiến lại gần tủ kính lấy chùm chìa khóa tra vào ổ khóa của chiếc xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen xám bạc, biển kiểm soát 29 F1-394.67 của anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1985, trú tại thôn H, xã P, thành phố N (chồng của chị T1), trên xe có treo 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, trong cốp xe có 01 đăng ký xe mô tô Honda Future, màu đen xám bạc, biển kiểm soát 29 F1- 394.67, 01 tờ giấy mua bán xe và một số tờ tiền nước ngoài của anh Tú; 01 chứng minh thư nhân dân và 01 thẻ ATM của chị T1. Thấy xe lên điện, Q dắt chiếc xe ra đường rồi điều khiển xe về hướng thành phố Nam Định tìm chỗ tiêu thụ. Đi được khoảng 07 km, Q dừng xe để kiểm tra cốp xe thấy bên trong cốp xe có 01 đăng ký xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 29 F1-394.67; 01 tờ giấy mua bán xe; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 thẻ ATM và vài tờ tiền nước ngoài. Q lấy đăng ký xe bỏ vào túi quần bỏ phía sau bên phải, còn 01 tờ giấy mua bán xe, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ATM và vài tờ tiền nước

ngoài Q đã vất ở trên đường đi. Q tiếp tục điều khiển xe đi được khoảng 02km thì đến quán sửa xe máy Việt Nhật tại thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Q dừng xe gặp và hỏi anh Trần Mạnh H1, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam là chủ quán sửa xe có biết ai mua xe máy không? Anh H1 đã gọi điện thoại cho ông Trần Đức Đ, sinh năm 1965, trú tại số 491, đường L, phường M, thành phố N đến mua xe của Q. Tại đây Q và ông Đ đã thỏa thuận việc mua bán chiếc xe trên với giá 5.000.000 đồng, rồi cả hai đi về nhà ông Đ để làm thủ tục mua bán, giao giấy tờ và giao tiền. Số tiền bán xe Q đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 06-10-2020 ông Đ bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982, trú tại xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam với giá 7.000.000 đồng. Ngày 08-10-2020 anh H đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết với giá 9.000.000 đồng. Ngày 29-10-2020, Nguyễn Văn Q đã tự thú về hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày anh Nguyễn Anh T đã trình báo sự việc mất trộm trên và ông Trần Đức Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 mũ bảo hiểm thời T1 màu đỏ cùng 01 bản phô tô đăng ký xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 29 F1-394.67, 01 bản phô tô chứng minh thư của Nguyễn Văn Q và 01 giấy bán xe do Nguyễn Văn Q viết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐ ngày 05-11-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo, màu sơn đen-xám-bạc, biển kiểm soát 29F1-394.67 có giá trị là 8.500.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Nguyễn Văn Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 15-01-2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 29-10-2020.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Anh T số tiền 8.500.000 đồng.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Q số tiền 150.000 đồng nhưng giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Q đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhất trí bồi thường cho anh T giá trị chiếc xe bị cáo trộm cắp không thu hồi được là 8.500.000 đồng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra bị hại là anh Nguyễn Anh T khai báo: Khoảng 08 giờ ngày 06-10-2020 tại thôn H, xã P, thành phố N anh bị mất 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo trị giá 8.500.000 đồng, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ đã cũ, 01 tờ giấy bán xe mô tô và một số tờ tiền nước ngoài anh không rõ mệnh giá. Anh T không có đề nghị gì đối với chiếc mũ bảo hiểm do anh đã được nhận lại và không có ý kiến, đề nghị gì đối với 01 tờ giấy bán xe mô tô và một số tờ tiền nước ngoài do Q đã vớt đi, không tìm được. Anh T đề nghị Cơ quan điều tra tìm lại chiếc xe để trả cho anh, nếu không tìm lại được thì đề nghị Q phải bồi thường giá trị chiếc xe như Cơ quan định giá đã định giá.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đức Đ, anh Nguyễn Văn H đều xác định: Ngày 06-10-2020 ông Đ được anh Trần Mạnh H1 giới thiệu đến mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo của Q với giá 5.000.000 đồng sau đó ông Đ bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn H với giá 7.000.000 đồng. Ngày 08-10-2020 anh H đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết với giá 9.000.000 đồng. Ông Đ, anh H không biết chiếc xe mô tô đó do Q trộm cắp và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thu T1 trình bày: Ngày 06-10-2020 chị T1 có để 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thu T1 trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo của anh T bị Q lấy trộm. Chị đã làm lại chứng minh thư nhân dân và thẻ ATM nên không có yêu cầu, đề nghị gì.

Trong quá trình điều tra anh Nguyễn Hữu T2 sinh năm 1983 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và anh Nguyễn Ngọc M là người làm chứng xác định: Hộ kinh doanh cửa hàng xe máy cũ – Minh do anh T2 làm chủ và anh M là người trực tiếp giao dịch đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo của một người không quen biết đồng thời đã làm thủ tục sang tên chủ sở hữu là Hộ kinh doanh cửa hàng xe máy cũ – M và đã bán lại chiếc xe cho một người không quen biết. Anh T không có đề nghị, yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Ninh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Nguyễn Văn Q đúng như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 06-10-2020 tại thôn H, xã P, thành phố N, Nguyễn Văn Q đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo trị giá 8.500.000 đồng của anh Nguyễn Anh T.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

...”

Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Q phạm tội khi đang có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Q đã tự thú về hành vi phạm tội và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo đã 2 lần bị xử lý hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu và là người khó giáo dục, cải tạo.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Q không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Anh T 01 mũ bảo hiểm màu đỏ. Anh T đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì đối với chiếc mũ. Đối với 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thu T1; 01 tờ giấy bán xe mô tô và một số tờ tiền nước ngoài của anh Nguyễn Anh T, Q khai đã vất trên đường đi bán xe và không xác định được vị trí cụ thể nên không đủ căn cứ truy tìm. Chị T1, anh T đều không có yêu cầu, đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô và đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đen xám bạc, biển kiểm soát 29 F1 - 394.67. Quá trình điều tra xác định trước khi bị Q chiếm đoạt, chiếc xe đăng ký tên chủ sở hữu là Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1975, trú tại phường g A, quận T, thành phố Hà Nội. Năm 2017 chị T3 bán cho anh T chiếc xe trên với giá 17.000.000 đồng. Hiện nay chiếc xe trên đăng ký tên chủ sở hữu là Hộ kinh doanh cửa hàng xe máy cũ – M. Căn cứ lời khai của anh Nguyễn Hữu T2 (là chủ hộ kinh doanh) và anh Nguyễn Ngọc M (người trực tiếp giao dịch), đều trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp thì Hộ kinh doanh Cửa hàng xe máy cũ – M mua chiếc xe trên của một người không quen biết đồng thời đã làm thủ tục sang tên chủ sở hữu Hộ kinh doanh cửa hàng xe máy cũ – M và đã bán lại chiếc xe cho một người không quen biết. Do đó tài sản bị cáo Q trộm cắp không thu hồi được, bị hại T yêu cầu Q phải bồi thường giá trị chiếc xe như Cơ quan định giá đã định giá là 8.500.000 đồng. Bị hại Q cũng nhất trí bồi thường số tiền 8.500.000 đồng nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T số tiền trên là phù hợp với quy định tạo các Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự .

Số tiền 150.000 đồng mà Q giao nộp là tiền Q lao động mà có không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Q nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với ông Trần Đức Đ, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hữu T2 là những người đã mua lại chiếc xe mô tô Honda Future, màu đen xám bạc, biển kiểm soát 29 F1 – 394.67 nhưng không biết đó là tài sản do Q trộm cắp mà có được nên không có cơ sở để xử lý đối ông Đ, anh H và anh T2.

Quá trình điều tra còn xác định ngày 27-10-2020 Nguyễn Văn Q thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu CHENGFEI, màu sơn nâu, biển kiểm soát 35F2 -7112 có giá trị 1.400.000 đồng của anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1984, trú tại phố T, phường N, thành phố N; hành vi này của Q không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên Công an thành phố Ninh Bình đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Q là có căn cứ.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền bồi thường 8.500.000 đồng là 425.000 đồng.

[8] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r và điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 29-10 -2020.

2.Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nguyễn Anh T là 8.500.000 đồng (*tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản bồi thường thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự .

3. Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo ủy nhiệm chi số 25 ngày 25 tháng 01 năm 2021).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 425.000 đồng (*bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02-02-2021); bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND thành phố Ninh Bình
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THA DS thành phố Ninh Bình.
- Cơ quan điều tra và Cơ quan THAHS Công an thành phố Ninh Bình
- Bị cáo
- Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thanh Phương